

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

(Hợp đồng số: 0825121/MOOREAISHN-TC)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 của Quốc Hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Thực hiện Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ vào yêu cầu của **Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông** và khả năng của **Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISC**.

Hôm nay, ngày 06 tháng 8 năm 2025, chúng tôi gồm:

Cơ quan yêu cầu:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

- Người đại diện : Ông Lê Minh Hải
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Trụ sở tại : Số 51B, Ngõ 40 Phố Tô Vĩnh Diện, Phường Khương Trung,
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại số : 043.7366984
- Mã số thuế : 0101334129

Cơ quan thực hiện:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC MOORE AISC

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

- Người đại diện : Ông Phạm Xuân Sơn
 - Chức vụ : Giám đốc
 - Trụ sở tại : Tầng 6, số 36, ngõ Hòa Bình 4, phố Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
 - Điện thoại : (024) 3782 0045
 - Mã số thuế : 0300513041 - 002
 - Tài khoản VND số : 0011000384246
- Sở giao dịch - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Sau khi bàn bạc, thương lượng hai bên thống nhất ký hợp đồng kiểm toán gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ:

Kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm 2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông, Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cuộc kiểm toán của bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Cuộc kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:
 - (a) Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;
 - (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
 - (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán.
- Ban Tổng Giám đốc của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của Bên B:

Trách nhiệm của Bên B đối với dịch vụ kiểm toán:

- Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.
- Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một Bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính của Bên A.
- Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về bất kỳ khiếm khuyết nào trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.
- Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam.
- Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông.

- Báo cáo kiểm toán mỗi loại được lập thành 05 (năm) bộ bằng tiếng Việt: Bên A giữ 04 (bốn) bộ bằng tiếng Việt, Bên B giữ 01 (một) bộ bằng tiếng Việt; 05 (năm) bộ bằng tiếng Anh: Bên A giữ 04 (bốn) bộ bằng tiếng Anh, Bên B giữ 01 (một) bộ bằng tiếng Anh.
- Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Giá phí kiểm toán nêu tại Điều 1 chi tiết theo từng đơn vị như sau:

STT	Tên đơn vị	Loại báo cáo	Giá phí (VNĐ)
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	Báo cáo tài chính riêng	100.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ HTSV Việt Nam	Báo cáo tài chính riêng	20.000.000
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông	Báo cáo tài chính hợp nhất	30.000.000
Cộng			150.000.000

Giá phí kiểm toán được Bên A thanh toán cho Bên B thành 02 (Hai) đợt:

- Đợt 1: Bên A tạm ứng cho Bên B 50% phí kiểm toán trong vòng 05 ngày kể từ khi các Bên ký kết Hợp đồng.
- Đợt 2: Bên A thanh toán cho Bên B 50% phí kiểm toán còn lại trong vòng 05 ngày kể từ khi Bên B phát hành Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và cung cấp hóa đơn VAT hợp lệ cho Bên A.
- Hóa đơn VAT được Bên B xuất từng lần thanh toán cho Bên A.

Giá phí trên chưa bao gồm thuế GTGT.

Phí kiểm toán được thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi tìm biện pháp giải quyết thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thể giải quyết bằng hình thức thương lượng, các bên có quyền giải quyết tại tòa án kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án mang tính chung thẩm, bên thua kiện phải chịu mọi chi phí phát sinh.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC VÀ THỜI HẠN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hay hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.

Bất kỳ thay đổi hoặc bổ sung đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này phải được lập thành phụ lục và có xác nhận của các bên, và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản tiếng Việt, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A



LÊ MINH HẢI

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHẠM XUÂN SƠN

